

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC
MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~193~~ /TB-BV

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời chào giá các mặt hàng hóa chất sinh hóa năm 2025-2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá mua sắm các mặt hàng hóa chất sinh hóa năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Bà Hoàng Thị Lệ Năm; Số điện thoại 0988259713.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các công ty tham gia báo giá, gửi báo giá trực tiếp **Phòng văn thư** hay gửi qua **buu điện** đến địa chỉ nhận báo giá (*Phòng văn thư của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam, số 107 Quang Trung, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng*)

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Thời hạn 10 ngày tính từ ngày đăng tải Thông báo chào giá lên cổng thông tin điện tử của đơn vị thành công.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 150 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các mặt hàng hóa chất sinh hóa năm 2025-2026. Chi tiết Bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam. Địa chỉ: 107 Quang Trung, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.



3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Giao hàng thành nhiều đợt, theo nhu cầu của đơn vị, thời gian cung ứng chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua và đợt xuất trong 24 giờ

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán 100% sau khi nghiệm thu, bàn giao hàng hóa và đúng theo thời gian đã ký trong hợp đồng kinh tế

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

5.1. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 và Phụ lục 3 đính kèm thông báo này. Gói hóa chất sinh hóa được đấu thầu trọn gói và yêu cầu đặt máy nếu trúng thầu. Do đó, các công ty phải tham gia chào giá đủ 120 mặt hàng trong danh mục theo Phụ lục 1 mới đáp ứng yêu cầu. Đồng thời Công ty tham khảo các yêu cầu dưới đây để làm cơ sở xây dựng giá, cụ thể như sau:

5.1.1 Tốc độ xử lý của máy xét nghiệm miễn dịch tự động : ≥ 800 mẫu/giờ,

5.1.2. Đời máy, năm sản xuất: 2023 trở về sau

5.1.3. Xuất xứ của máy: Các nước G7 hay Châu Âu,

5.1.4. Kết nối được với phần mềm HIS của Bệnh viện,

5.1.5. Vật tư y tế kèm theo trọn gói bao gồm: Bóng đèn, cu vét, đầu côn, điện cực, Ống dẫn mẫu, cup đựng mẫu, linh kiện đi kèm.

5.1.6. Thời gian bảo hành, bảo dưỡng máy, thay thế linh kiện: Chu kỳ 3 hoặc 6 tháng/lần tùy vào tần suất sử dụng,

5.1.7. Hướng dẫn và đào tạo sử dụng máy: Sau khi ráp máy (Thời gian 3 - 4 tuần).

5.2. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá (Các nội dung này được gửi cùng với bản báo giá về địa chỉ của Bệnh viện quy định tại khoản 2 Mục I – Thông báo chào giá).

5.3. Báo giá đựng trong một túi hồ sơ được niêm phong cẩn thận, bao gồm:
+ 01 bản gốc báo giá, các tài liệu kèm theo để chứng minh tính năng thông số kỹ thuật, 1 USB

Ghi chú: Phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ:

“Thư chào giá cung cấp các mặt hàng hóa chất sinh hóa 2025-2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam”

Trong quá trình tham gia báo giá, mọi thắc mắc về các nội dung yêu cầu từ phía Bệnh viện, các công ty có thể liên hệ qua 2 thành viên trong Hội đồng xây dựng để nắm rõ các thông tin:

- Ds.CK1: Võ Văn Tiên - Khoa Dược Bệnh viện

+ Số điện thoại: 0905275001

- Ds.CK1: Dương Thị Tường Vy - Khoa Dược Bệnh viện



+ Số điện thoại: 0987780802

Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị tham gia báo giá./. *ms*

Nơi nhận:

- Các đơn vị tham gia báo giá;
- Website của Bệnh viện (đăng tải);
- Lưu: VT, KD, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thống Nhất





PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG HÓA CHẤT SINH HÓA

NĂM 2025-2026 TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUẢNG NAM
(Ban hành kèm theo Thông báo số 193 /TB-BV ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

Số thứ tự	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật (Cơ bản)	Số lượng /khối lượng sử dụng 18 tháng	Đơn vị tính
1	2	3	4	5
1	Điện giải đồ Na, K , Cl	- Hóa chất dùng cho xét nghiệm điện giải đồ Na, K, Cl - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	111,000	Mẫu
2	Hóa chất pha loãng dùng cho bộ ISE	- Hoá chất dùng để pha loãng xét nghiệm điện giải đồ - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	144,100	ml
3	Hóa chất nội chuẩn dùng cho bộ ISE	- Hóa chất nội chuẩn dùng cho xét nghiệm điện giải đồ - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	18,100	ml
4	Hóa chất hiệu chuẩn huyết thanh dùng cho bộ ISE	- Hóa chất hiệu chuẩn huyết thanh dùng trong xét nghiệm điện giải đồ - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	1,300	ml
5	Hóa chất hiệu chuẩn nước tiểu dùng cho bộ ISE	- Hóa chất hiệu chuẩn nước tiểu dùng trong xét nghiệm điện giải đồ - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	1,300	ml
6	Hóa chất rửa điện cực	-Hoá chất rửa điện cực dùng cho xét nghiệm điện giải đồ - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	1,100	ml
7	Định lượng Bilirubin toàn phần	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Billirubin toàn phần -Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
8	hoá chất hiệu chuẩn bilirubin	-Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml

9	hoá chất kiểm chuẩn bilirubin mức 1	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần -Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
10	hoá chất kiểm chuẩn bilirubin mức 2	--Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
11	Định lượng Ethanol (cồn)	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
12	hoá chất hiệu chuẩn Ethanol (cồn)	-Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ethanol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
13	hoá chất kiểm chuẩn Ethanol (cồn)	-hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ethanol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
14	Định lượng HDL	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
15	hoá chất hiệu chuẩn HDL	-Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
16	hoá chất kiểm chuẩn HDL	-Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	ml
17	Định lượng Urê	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Urea Nitrogen - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
18	hoá chất hiệu chuẩn Urê	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Urê - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	ml
19	hoá chất kiểm chuẩn Urê mức 1	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Urê - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
20	hoá chất kiểm chuẩn Urê mức 2	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Urê - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
21	Đo hoạt độ ALT (GPT)	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm ALT (GPT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu

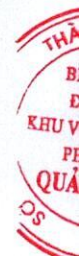
22	hoá chất hiệu chuẩn ALT (GPT)	-Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm ALT (GPT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	ml
23	hoá chất kiểm chuẩn ALT (GPT) mức 1	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm ALT(GPT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
24	hoá chất kiểm chuẩn ALT (GPT) mức 2	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm ALT (GPT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
25	Đo hoạt độ Amylase	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm Amylase - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
26	hoá chất hiệu chuẩn Amylase	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Amylase - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
27	hoá chất kiểm chuẩn Amylase mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm Amylase - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
28	hoá chất kiểm chuẩn Amylase mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm Amylase - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
29	Đo hoạt độ CK-MB	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm CK-MB - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
30	hoá chất hiệu chuẩn CK-MB	-Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
31	hoá chất kiểm chuẩn CK-MB mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm CK-MB - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	ml
32	hoá chất kiểm chuẩn CK-MB mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm CK-MB - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
33	Định lượng Cholesterol toàn phần	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	Mẫu
34	hoá chất hiệu chuẩn Cholesterol toàn phần	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Cholesterol toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7. Page 3	460	ml

35	hoá chất kiểm chuẩn Cholesterol toàn phần	- Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho các xét nghiệm Cholesterol toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
36	Định lượng Glucose	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
37	hoá chất hiệu chuẩn Glucose	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
38	hoá chất kiểm chuẩn Glucose mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	ml
39	hoá chất kiểm chuẩn Glucose mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
40	Định lượng LDL	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	Mẫu
41	hoá chất hiệu chuẩn LDL	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm LDL Cholesterol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
42	hoá chất kiểm chuẩn LDL	- Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho các xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	ml
43	Định lượng Protein toàn phần	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
44	hoá chất hiệu chuẩn Protein toàn phần	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	280	ml
45	hoá chất kiểm chuẩn Protein toàn phần mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
46	hoá chất kiểm chuẩn Protein toàn phần mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
47	Định lượng Creatinin	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu

48	hoá chất hiệu chuẩn Creatinin	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine . - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
49	hoá chất kiểm chuẩn Creatinin mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
50	hoá chất kiểm chuẩn Creatinin mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
51	Định lượng Triglycerid	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
52	hoá chất hiệu chuẩn Triglycerid	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
53	hoá chất kiểm chuẩn Triglycerid	- Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
54	Định lượng Lactat (Acid Lactic)	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
55	hoá chất hiệu chuẩn Lactat (Acid Lactic)	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
56	hoá chất kiểm chuẩn Lactat (Acid Lactic) mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
57	hoá chất kiểm chuẩn Lactat (Acid Lactic) mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
58	Định lượng Acid Uric	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
59	hoá chất hiệu chuẩn Acid Uric	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
60	hoá chất kiểm chuẩn Acid Uric mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml

61	hoá chất kiểm chuẩn Acid Uric mức 2	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
62	Định lượng Mg [Máu]	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Magnesium (Mg) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	Mẫu
63	hoá chất hiệu chuẩn Mg [Máu]	-Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Magnesium (Mg) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
64	hoá chất kiểm chuẩn Mg [Máu] mức 1	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Magnesium - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
65	hoá chất kiểm chuẩn Mg [Máu] mức 2	-Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Magnesium - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
66	Đo hoạt độ LDH	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate Dehydrogenase (LDH) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	387,100	Mẫu
67	hoá chất hiệu chuẩn LDH	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate Dehydrogenase (LDH) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	2,100	ml
68	hoá chất kiểm chuẩn LDH mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate Dehydrogenase (LDH) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
69	hoá chất kiểm chuẩn LDH mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Lactate Dehydrogenase (LDH) - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
70	Định lượng Albumin	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
71	hoá chất hiệu chuẩn Albumin	-Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
72	hoá chất kiểm chuẩn Albumin mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
73	hoá chất kiểm chuẩn Albumin mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml

74	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm GGT - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
75	Hoá chất hiệu chuẩn GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ GGT - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
76	Hoá chất kiểm chuẩn GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu] mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ GGT - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
77	Hoá chất kiểm chuẩn GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu] mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ GGT - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
78	Định lượng CRP	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
79	Hoá chất hiệu chuẩn CRP	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho định lượng CRP - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	ml
80	Hoá chất kiểm chuẩn CRP	- Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho định lượng CRP - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
81	Định lượng RF	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	250	Mẫu
82	Hoá chất hiệu chuẩn RF	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng RF - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml
83	Hoá chất kiểm chuẩn RF mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng RF - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	28,360	ml
84	Hoá chất kiểm chuẩn RF mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng RF - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	2,100	ml
85	Định lượng Bilirubin trực tiếp	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Billirubin trực tiếp - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	Mẫu
86	Hoá chất hiệu chuẩn Bilirubin trực tiếp	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho định lượng Billirubin trực tiếp - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	460	ml



87	Hoá chất kiểm chuẩn Bilirubin trực tiếp mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Billirubin trực tiếp - Xuất xứ: các nước nhóm G7	387,100	ml
88	Hoá chất kiểm chuẩn Bilirubin trực tiếp mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Billirubin trực tiếp - Xuất xứ: các nước nhóm G7	28,360	ml
89	Đo hoạt độ Lipase	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm Lipase - Xuất xứ: các nước nhóm G7	2,100	Mẫu
90	Hoá chất hiệu chuẩn Lipase	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Lipase - Xuất xứ: các nước nhóm G7	2,100	ml
91	Hoá chất kiểm chuẩn Lipase mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Lipase - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
92	Hoá chất kiểm chuẩn Lipase mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Lipase - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
93	Đo hoạt độ AST (GOT)	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm AST (GOT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7	160,000	Mẫu
94	Hoá chất hiệu chuẩn AST (GOT)	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho các xét nghiệm AST (GOT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7	180	ml
95	Hoá chất kiểm chuẩn AST (GOT) mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm AST (GOT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
96	Hoá chất kiểm chuẩn AST (GOT) mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm AST (GOT) - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
97	Định lượng Amoniac (NH3)	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Amoniac (NH3) - Xuất xứ: các nước nhóm G7	3,000	Mẫu
98	Hoá chất hiệu chuẩn Amoniac (NH3)	- Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ammonia (NH3) - Xuất xứ: các nước nhóm G7	150	ml
99	Hoá chất kiểm chuẩn Amoniac (NH3)	- Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng Ammonia (NH3) - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml

100	Định lượng Albumin niệu (Microalbumin)	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng microalbumin niệu - Xuất xứ: các nước nhóm G7	14,000	Mẫu
101	Hoá chất hiệu chuẩn Albumin niệu (Microalbumin)	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Microalbumin trong nước tiểu - Xuất xứ: các nước nhóm G7	150	ml
102	Hoá chất kiểm chuẩn Albumin niệu (Microalbumin) mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Microalbumin trong nước tiểu - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
103	Hoá chất kiểm chuẩn Albumin niệu (Microalbumin) mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho xét nghiệm định lượng Microalbumin trong nước tiểu - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
104	Định lượng Streptococcus pyogenes ASO	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Streptococcus pyogenes ASO - Xuất xứ: các nước nhóm G7	1,200	Mẫu
105	Hoá chất hiệu chuẩn Streptococcus pyogenes ASO	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Streptococcus pyogenes ASO - Xuất xứ: các nước nhóm G7	150	ml
106	Hoá chất kiểm chuẩn Streptococcus pyogenes ASO mức 1	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho các xét nghiệm định lượng Streptococcus pyogenes ASO - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
107	Hoá chất kiểm chuẩn Streptococcus pyogenes ASO mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho các xét nghiệm định lượng Streptococcus pyogenes ASO - Xuất xứ: các nước nhóm G7	360	ml
108	Định lượng HbA1c	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c. - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	25,600	Mẫu
109	Hoá chất hiệu chuẩn HbA1c	- Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho định lượng HbA1c - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	150	ml
110	Hoá chất kiểm chuẩn HbA1c	- Hoá chất kiểm chuẩn dùng cho định lượng HbA1c - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	360	ml
111	Định lượng Cystatine C	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cystatin C - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	225	Mẫu

112	Hoá chất hiệu chuẩn Cystatine C	- Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Cystatin C - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	150	ml
113	Hoá chất kiểm chuẩn Cystatine C mức 1	- Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 dùng cho xét nghiệm định lượng Cystatin C - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	360	ml
114	Hoá chất kiểm chuẩn Cystatine C mức 2	- Hoá chất kiểm chuẩn mức 2 dùng cho định lượng Cystatine C - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	360	ml
115	Định lượng Apo B (Apolipoprotein B)	- Hoá chất dùng cho xét nghiệm định lượng Apolipoprotein B . - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	300	Mẫu
116	Hoá chất hiệu chuẩn Apo B (Apolipoprotein B)	- Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Apo B - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	150	ml
117	Hoá chất kiểm chuẩn Apo B (Apolipoprotein B)	- Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng APO B - Xuất xứ: các nước nhóm G7.	360	ml
118	Hoá chất rửa có tính kiềm	Hoá chất rửa có tính kiềm	387,000	ml
119	Hoá chất rửa có tính acid	Hoá chất rửa có tính acid	28,260	ml
120	Hoá chất rửa có tính oxi hoá	Hoá chất rửa có tính oxi hoá	2,000	ml

115

ĐA

Trên cơ sở Thông báo số ... /TB-BV..... ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện....., chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	..									
2	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Thông báo chào giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

... , ngày ... tháng ... năm ...
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Thông báo chào giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quan cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.





PHỤ LỤC 3:

(Ban hành kèm theo Thông báo số 193/TB-BV ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam)

THƯ CHÀO GIÁ

Kính gửi:

Địa chỉ:

Theo Thông báo chào giá số....., Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục	Tên thương mại	Chi tiết kỹ thuật	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng/ nước sản xuất	Hãng/ nước sở hữu	Số lưu hành/ giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	ĐVT	Quy cách	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Giá kê khai	Mã kê khai	Mã HS	Thuế VAT (nếu có)
1																	
2																	
3																	
.....																	

Báo giá này có hiệu lực 150 ngày kể từ ngày Bệnh viện kết thúc nhận thư mời chào giá.

... , ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)